

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HSST
Ngày: 21-8-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Tự Trị

2/ Ông Lê Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: ông **Phạm Văn Nhủ**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 08 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Thị Tuyết N

Tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 01 tháng 3 năm 1976; Nơi sinh: Đà Nẵng.

Nơi thường trú: Ấp T, xã H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn (văn hóa): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân H, sinh năm 1942 (sống) và bà Lâm Thị M, sinh năm 1951 (sống); anh chị em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1969, nhỏ nhất sinh năm 1989; Chồng: Nguyễn Chí N, sinh năm 1980; Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2013

Tiền sự: không.

Tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà **Mai Thị Hồng D**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Chí N**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Thị Tuyết N với Mai Thị Hồng D có mối quan hệ quen biết do bị cáo N thường ghé quán ăn của D. Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 3 năm 2024, Võ Thị Tuyết N một mình điều khiển xe mô tô biển số 65K1-229.35 đến chỗ D bán quán ăn tại chợ Ba Se, khu vực Tân Xuân, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, trong lúc ngồi nói chuyện do cần tiền tiêu xài nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của D, N đưa ra thông tin gian dối để nói với D là N mới mở xưởng may ở phường Phước Thới, quận Ô Môn, hứa sẽ đưa D vào làm công ty, tin lời N nên D đồng ý lên xe mô tô do N điều khiển chở đến xưởng may, trước khi đi, N kêu D đưa 02 chiếc điện thoại di động để N giữ. Sau đó, N điều khiển xe chở D chạy vòng quanh trên địa bàn quận Ô Môn, rồi tiếp tục điều khiển xe chở D đến quán cà phê gần Bệnh viện phụ sản thành phố Cần Thơ, trong lúc ngồi uống nước thì N hỏi mượn chiếc lắc đang đeo trên tay của D để khi vào xưởng may khoe với bạn bè, tin lời N nên D tháo chiếc lắc đưa cho N rồi sau đó N điều khiển xe chở D về quận Ô Môn. Đến địa bàn phường Phước Thới, quận Ô Môn thì N dừng xe lại kêu D đi vào quán mua giùm bún, còn N chạy lại xưởng may chút quay lại rước nhưng sau đó N điều khiển xe chạy về nhà, đến chợ Thới Lai, thành phố Cần Thơ thì N đi vào tiệm vàng Thêm địa chỉ thuộc khu vực Thới Thuận, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ bán chiếc lắc cho Nguyễn Hữu T được số tiền 9.944.000 đồng và dùng số tiền trên mua lại 01 nhẫn vàng với số tiền 2.950.000 đồng, rồi điều khiển xe về nhà tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ cất giấu 02 chiếc điện thoại. Đối với số tiền bán vàng thì N tiêu xài cá nhân hết, riêng đối với chiếc nhẫn mua lại do cần tiền tiêu xài nên N bán tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16 tháng 3 năm 2024 nhưng bán ở địa điểm nào thì N không rõ.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, số máy JA36E0228348, số khung RLHJA3615EY126382, màu sơn xám, đen, biển số 65K1-229.35 đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648102442642 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu vàng, số imei: 867838065999356 đã qua sử dụng; 01 áo khoác vải màu hồng đã qua sử dụng, Tiền Việt Nam 400.000 đồng; 01 đoạn Video được trích xuất từ camera tại nhà

bà Đào Thị T ghi nhận hình ảnh Võ Thị Tuyết N kêu D vào mua bún và bỏ lại D ngày 15 tháng 3 năm 2024, thời lượng 19 giây, được lưu trữ vào đĩa DVD và được niêm phong trong phong bì màu trắng; 01 đoạn Video được trích xuất từ camera tại tiệm vàng Thêm ghi nhận hình ảnh Võ Thị Tuyết N mang lắc tay vàng đến bán, hôm ngày 15 tháng 3 năm 2024, thời lượng 01 phút 09 giây, được lưu trữ vào đĩa DVD và được niêm phong trong phong bì màu trắng (BL108-110).

Tại kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Ô Môn, kết luận (BL22-25)

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648102442642 đã qua sử dụng, đã thu hồi có giá trị là: 1.100.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53 màu vàng, số imei: 867838065999356 đã qua sử dụng, đã thu hồi có giá trị 1.600.000 đồng.

- 01 chiếc lắc tay loại lắc trơn, vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 02 phân 06 li, không thu hồi được có giá trị là: 11.262.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản là: 13.962.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Võ Thị Tuyết N đã nhận tội (BL52-55).

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Mai Thị Hồng D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648102442642 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53 màu vàng, số imei: 867838065999356 đã qua sử dụng (BL111).

Đối với Nguyễn Hữu T chủ tiệm vàng T khi mua vàng do Võ Thị Tuyết N bán thì Thọ không biết tài sản do N lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô biển số 65K1-229.35 do Nguyễn Chí N đứng tên sở hữu việc N sử dụng xe mô tô trên để đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì N không biết nên không xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKS-OM ngày 22 tháng 7 năm 2024 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ để xét xử bị cáo Võ Thị Tuyết N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu tại cáo trạng số 73/CT-VKS-OM ngày 22/7/2024. Qua phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Võ Thị Tuyết N phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 áo khoác vải màu hồng đã qua sử dụng, do giá trị còn lại không còn.

- Tạm giữ số tiền 400.000 đồng đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Nguyễn Chí N: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, số máy JA36E0228348, số khung RLHJA3615EY126382, màu sơn xám, đen, biển số 65K1-229.35 đã qua sử dụng, do không liên quan đến vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 11.262.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô Môn, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ô Môn, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can tại cơ quan điều tra; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 17/3/2024; Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND quận Ô Môn; các biên bản ghi lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Thị Tuyết N có quen biết với bị hại Mai Thị Hồng D từ trước. Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 15/03/2024, bị cáo N đến ăn sáng tại quán ăn của bị hại tại chợ Ba Se, thuộc khu vực Tân Xuân, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại để tiêu xài cá nhân. Bị cáo N đưa ra thông tin gian dối hứa đưa bị hại vào xưởng may làm việc và chờ bị hại đến xưởng may, trước khi đi bị cáo kêu bị hại đưa 02 chiếc điện thoại di động để bị cáo giữ. Sau đó, bị cáo N tiếp tục dùng lời lẽ gian dối khác để mượn được chiếc lắc đang đeo trên tay của bị hại. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo N đã bán chiếc lắc lấy tiền tiêu xài cá nhân, 02 điện thoại mang về nhà tắt nguồn và cất giữ trong phòng ngủ của bị cáo. Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-

HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ô Môn, kết luận tổng giá trị của tài sản bị chiếm đoạt là: 13.962.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Võ Thị Tuyết N có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng trị giá là 13.962.000 đồng. Hành vi của N đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân có sức khỏe lại không lo chí thú làm ăn, lao động có thu nhập hợp pháp để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình và xã hội, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên phải bị pháp luật trừng trị. Nhân thân bị cáo đã có 03 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành xong án phạt không lấy đó làm răn đe lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Để có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần xử mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi một phần trả lại cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc lắc tay, loại lắc trơn, vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ 02 phân 06 li, không thu hồi được, giá trị 11.262.000 đồng; bị cáo đồng ý bồi thường. Do đó, yêu cầu của bị hại là có cơ sở và phù hợp nên được chấp nhận. Bị cáo N xác định đã bán chiếc lắc này tiêu xài cá nhân, còn lại số tiền 400.000 đồng bị thu giữ. Do đó, bị hại được nhận lại số tiền 400.000 đồng này, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 10.862.000 đồng.

[7] Về vật chứng của vụ án: Theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với xe mô tô biển số 65K1-229.35 do Nguyễn Chí N đứng tên sở hữu. Việc bị cáo N sử dụng xe mô tô trên để đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì anh N không biết. Do đó, trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Chí N chiếc xe mô tô này là phù hợp.

[8] Đối với Nguyễn Hữu T chủ tiệm vàng T khi mua vàng do Võ Thị Tuyết N bán thì Thọ không biết tài sản do N lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: **Võ Thị Tuyết N** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Võ Thị Tuyết N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2024.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự:

Chị Mai Thị Hồng D được nhận số tiền bồi thường là 400.000 đồng.

Bị cáo **Võ Thị Tuyết N** phải bồi thường cho chị Mai Thị Hồng D số tiền là 10.862.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 áo khoác vải màu hồng đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Chí N: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, số máy JA36E0228348, số khung RLHJA3615EY126382, màu sơn xám, đen, biển số 65K1-229.35 đã qua sử dụng.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Mai Thị Hồng D tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màu xanh, số imei: 357648102442642 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C53 màu vàng, số imei: 867838065999356 đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/7/2024 của Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 563.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Nương